

CẢI THIỆN KỸ NĂNG NÓI CHO SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH, TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG NHÓM

IMPROVING SPEAKING SKILLS FOR MAJOR ENGLISH FIRST YEAR STUDENTS AT HANOI OPEN UNIVERSITY BY USING GROUPWORK ACTIVITIES

*Lê Thị Ánh Tuyết, Nguyễn Thị Hồng Anh, Nguyễn Hoàng Phương Linh**

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 03/06/2021

Ngày nhận kết quả phản biện đánh giá: 06/12/2021

Ngày bài báo được duyệt đăng: 28/12/2021

Tóm tắt: Bài báo này nhằm đưa ra những giải pháp cải thiện kỹ năng nói cho sinh viên chuyên ngành tiếng Anh tại trường Đại học Mở Hà Nội thông qua việc áp dụng các hoạt động làm việc nhóm. Phương pháp nghiên cứu chính của bài báo là phương pháp điều tra khảo sát. Ngữ liệu được thu thập từ 116 sinh viên năm thứ nhất Khoa tiếng Anh trong năm học 2020-2021. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hoạt động nhóm đã được sử dụng khá thường xuyên trong các giờ dạy-học kỹ năng nói; tuy nhiên, hiệu quả chưa cao do một số yếu tố ảnh hưởng như hứng thú, mong muốn của người học; các chiến lược của giảng viên chưa đáp ứng kỳ vọng của sinh viên. Từ đó, bài báo đưa ra một số giải pháp nhằm cải thiện việc dạy và học kỹ năng nói cho sinh viên chuyên ngành tiếng Anh, tại trường Đại học Mở Hà Nội.

Từ khóa: kỹ năng nói, hoạt động nhóm, hiệu quả dạy-học, cải thiện.

Abstract: The article aims at giving suggestions to improve speaking skills for major English first year students at Hanoi Open University through using groupwork activities. The article uses the survey questionnaires for students as the tool to fulfil the aim. The questionnaire with 16 question items written in Vietnamese were administered by 116 voluntary first-year major English students at Hanoi Open University in 2020-2021 academic school year. The results show that groupwork activities are frequently used in English speaking classes; however, they are not as effective as expected due to some negative factors like student's interest and desire as well as teachers' groupwork implementation and management. As a result, suggestions for improving Speaking Skills for major English first year students by Using Groupwork Activities" have been given to make somehow contribution to the effectiveness of groupwork activities in English speaking lessons at Hanoi Open University.

Keywords: speaking skills, groupwork, teaching and learning effectiveness, improve.

* Khoa Tiếng Anh – Trường Đại học Mở Hà Nội

I. Đặt vấn đề

Những tiến bộ trong giảng dạy ngoại ngữ cho thấy người học phải đóng vai trò tích cực trong quá trình học để lĩnh hội kiến thức, phát triển kỹ năng ngôn ngữ nhờ các hoạt động luyện tập kỹ năng nói. Việc đánh giá hiệu quả của hoạt động nhóm trong thực tiễn giảng dạy kỹ năng nói rất quan trọng nhằm thấy được bức tranh toàn cảnh để nâng cao chất lượng dạy và học. Các nhà nghiên cứu như Khamkhien [15] và Martine [17] đã có những đánh giá sơ bộ về hiệu quả của hoạt động nhóm trong giảng dạy kỹ năng nói nhưng mới chỉ đề cập đến mức độ, tần suất tham gia mà chưa nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng. Xác định được tầm quan trọng của việc ứng dụng hiệu quả hoạt động nhóm để tăng cường hiệu quả giờ dạy-học kỹ năng nói, bài viết này được thực hiện để đánh giá một số yếu tố ảnh hưởng của hoạt động nhóm trong giờ thực hành kỹ năng nói và đề xuất một số giải pháp với mục đích nâng cao chất lượng của việc dạy và học kỹ năng nói thông qua hoạt động nhóm cho sinh viên năm thứ nhất Khoa tiếng Anh, Trường Đại học Mở Hà Nội.

II. Cơ sở lý luận

2.1. Khái niệm về kỹ năng nói

Khái niệm về kỹ năng nói được các nhà ngôn ngữ nhận định theo những cách khác nhau.

Nhà ngôn ngữ học Khamkhien [15] cho rằng, nói là một trong những kỹ năng quan trọng nhất khi học một ngoại ngữ, trong đó có ngôn ngữ tiếng Anh. Theo Bygate, kỹ năng nói là một trong những kỹ năng mang tính phản xạ, giúp người học sử dụng được ngoại ngữ để bày tỏ ý kiến, suy nghĩ và cảm xúc với người đối

diện, người nghe [11]. Bailey [7] đưa ra định nghĩa về kỹ năng nói: “đó là sự giao tiếp bằng lời theo hai chiều giữa người nói và người nghe. Trong đó, vai trò của người nói là mã hoá thông tin, còn người nghe là phải giải mã được thông tin đó.” Tác giả Brown [9] có cùng quan điểm khi cho rằng nói là quá trình tương tác liên quan tới việc sản sinh, tiếp nhận và xử lý thông tin.

Như vậy có thể khẳng định rằng kỹ năng nói giúp ngôn ngữ Anh thực hiện được chức năng giao tiếp của chính mình.

2.2. Khái niệm về nhóm và hoạt động nhóm học trong thực hành kỹ năng nói

2.2.1. Khái niệm nhóm

Theo Martine [17]: “Nhóm là một cộng đồng người thống nhất với nhau trên cơ sở một hay một số dấu hiệu chung có quan hệ với việc thực hiện hoạt động chung và giao tiếp của họ.” Brown [9] nhà tâm lý học phương Tây cho rằng: “Nhóm là cộng đồng người có từ hai người trở lên, giữa họ có sự tác động tương hỗ và ảnh hưởng lẫn nhau, tồn tại trong một thời gian nhất định, cùng nhau thực hiện hoạt động chung.” Theo Trần Hiệp [4]: “Nhóm là một cộng đồng có từ hai người trở lên, giữa họ có sự tương tác và ảnh hưởng lẫn nhau trong quá trình thực hiện hoạt động chung.”

Như vậy, ta có thể hiểu nhóm là tập hợp từ hai người trở lên cùng làm việc có tổ chức, hợp tác theo những nguyên tắc nhất định nhằm đạt mục tiêu và lợi ích chung. Những mục tiêu chung đó có thể là: hoàn thành nhiệm vụ đặt ra, để tìm ra ý tưởng, giải pháp, để tạo ra sản phẩm, để đạt thành tích, để học hỏi và sẻ chia

kinh nghiệm hay để phát triển kỹ năng. Như vậy, hoạt động học tập theo nhóm có thể chia thành hai loại là hoạt động học trong nhóm hai người, hay còn gọi là hoạt động cặp và hoạt động trong nhóm từ ba người đến 5 người là hoạt động học tập nhóm nhỏ. Hoạt động học trong nhóm từ 5 người trở lên được gọi là hoạt động học tập nhóm lớn.

2.2.2. Khái quát về hoạt động nhóm trong thực hành kỹ năng nói

Brown [9] đã đưa ra khái niệm về hình thức học tập theo nhóm như sau: “Hình thức học tập theo nhóm tại lớp là hình thức dạy học có sự kết hợp tính tập thể và tính cá nhân, mà trong đó học sinh trong nhóm dưới sự chỉ đạo của giáo viên trao đổi những ý tưởng, nguồn kiến thức với nhau, giúp đỡ hợp tác với nhau trong việc lĩnh hội tri thức, hình thành kỹ năng, kỹ xảo. Từng thành viên trong nhóm không chỉ có trách nhiệm với việc học tập của mình mà còn có trách nhiệm quan tâm đến việc học tập của các bạn.” Theo Thornbury [20], hoạt động nhóm tạo cảm giác an toàn vì “những sinh viên yếu kém hơn sẽ không phải là những người duy nhất chịu trách nhiệm hoặc bị mất mặt nếu trả lời sai.” Maginn [6] nhận định: “Hoạt động học tập theo nhóm là một phương pháp học tập mà theo phương pháp đó, sinh viên trong nhóm trao đổi, giúp đỡ và hợp tác với nhau. Người học trao đổi ý tưởng và kiến thức với các thành viên khác trong nhóm; các thành viên tham gia tích cực và hợp tác với nhau để lĩnh hội kiến thức và kỹ năng mới”.

Như vậy, hoạt động nhóm trong thực hành kỹ năng nói là nâng cao kỹ năng xã hội cho người tham gia các hoạt động

này là kỹ năng giao tiếp, kỹ năng hợp tác, giải quyết vấn đề, ra quyết định. Làm việc nhóm là tương tác hàng ngang để phát triển ngôn ngữ, lĩnh hội kiến thức vào tạo dựng mối quan hệ. Những hoạt động này giúp tăng cường thời gian tham gia, số lượng người tham gia thực hành nói cùng lúc, góp phần tạo quan điểm, thái độ tích cực cho sinh viên. Thêm vào đó, làm việc nhóm giúp sinh viên tự tin khi trình bày quan điểm. Sinh viên thường lo âu, e dè khi trình bày trước lớp nhưng khi được nói trong nhóm nhỏ họ sẽ cảm thấy tự tin hơn.

2.2.4. Các hoạt động nhóm nhằm tăng cường kỹ năng nói tiếng Anh

Có rất nhiều các hoạt động nhóm được ứng dụng trong dạy-học ngôn ngữ theo đường hướng giao tiếp. Harmer [13] đề cập tới bốn nhóm hoạt động học nhằm phát triển kỹ năng nói như sau:

2241. *Hoạt động đóng vai*: là cách tổ chức hoạt động cho sinh viên thực hành. Sinh viên nhập vai để diễn một số cách ứng xử trong một tình huống giả định. Đây là phương pháp nhằm giúp sinh viên suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào một sự việc cụ thể mà họ được hướng dẫn hoặc quan sát được. Hoạt động này giúp sinh viên tăng cường tương tác, thực hành kỹ năng ứng xử, nảy sinh sự sáng tạo và cho thấy ngay hiệu quả của quá trình dạy-học.

2242. *Phương pháp vấn đáp*: là phương pháp trong đó giáo viên đặt câu hỏi để sinh viên trả lời hoặc tranh luận trong nhóm. Vấn đáp là hệ thống các câu hỏi được sắp xếp một cách hợp lý để hướng người học từng bước phát hiện ra bản chất của sự vật, tính quy luật của hiện tượng, hoặc cách lí giải logic một vấn đề

nhằm kích thích sự ham mê học hỏi, tìm tòi. Phương pháp này giúp sinh viên ôn luyện lại kiến thức đã biết, tìm tòi những luận điểm mới để lĩnh hội được nội dung vấn đề cần giải quyết. Vì vậy, khi kết thúc cuộc đàm thoại, sinh viên rất hứng khởi vì đã tự lực phát hiện ra những kiến thức mới, trưởng thành thêm một bước về trình độ tư duy.

2243. *Phương pháp giải quyết vấn đề*: là phương pháp hướng dẫn phát hiện và giải quyết vấn đề là nêu các vấn đề nhận thức có chứa mâu thuẫn giữa những cái đã biết và những cái chưa biết; đặt sinh viên vào tình huống có vấn đề, kích thích sự tự lực, chủ động và có mong muốn giải quyết vấn đề. Phương pháp dạy học đặt và giải quyết vấn đề giúp sinh viên lĩnh hội được tri thức mới, phát triển tư duy tích cực, sáng tạo, được chuẩn bị một năng lực thích ứng với đời sống xã hội và nghề nghiệp tương lai.

2244. *Phương pháp trò chơi*: là một phương tiện tự nhiên để hiểu thế giới xung quanh, do đó nó được vận dụng trong quá trình dạy-học. Trong dạy-học tiếng Anh, một bầu không khí vui vẻ với nhiều cơ hội giao tiếp trong bối cảnh thực sẽ giúp người học hứng thú và tích cực hơn. Trò chơi ngôn ngữ là ví dụ đơn giản về sử dụng ngôn ngữ và các hoạt động đơn giản kết hợp ngôn ngữ có quy tắc trò chơi rõ ràng. Quan niệm về trò chơi ngôn ngữ được gắn liền với thời gian (*thời gian bắt đầu và kết thúc trò chơi*). Các trò chơi ngôn ngữ được cấu trúc hoá bằng các nguyên tắc nhưng theo ý đồ của người hành động. Những nguyên tắc đó được hình thành ngay trong tiến trình chơi, trong cấu trúc vật chất của đối tượng và bối cảnh xã

hội. Đây là phương pháp dạy học tích cực nhằm yêu cầu người học phải nỗ lực kết hợp với nhau để tìm ra đáp án đúng, để giải quyết vấn đề và đạt được yêu cầu của trò chơi. Như vậy, người học có nhiều cơ hội chủ động trong học tập và làm chủ tình huống giao tiếp.

2245. *Phương pháp thảo luận*: là phương pháp học hiệu quả nhằm giúp người học phát huy tính tích cực, chủ động, tự lực. Khi tham gia hoạt động thảo luận, đòi hỏi sự tham gia tích cực của các thành viên. Người học luyện tập được kỹ năng cộng tác, làm việc với tinh thần đồng đội, các thành viên nâng cao cách ứng xử, rèn luyện khả năng ngôn ngữ, phát triển năng lực giao tiếp, biết lắng nghe, chấp nhận hoặc phê phán ý kiến của các thành viên khác. Thêm vào đó, các em biết cách lập luận để bảo vệ quan điểm của mình. Như vậy, thảo luận giúp người học tăng cường tri thức, hiệu quả học tập; người học có thể nắm vững kiến thức được lĩnh hội, tìm kiếm nguồn thông tin liên quan đến vấn đề cần thảo luận.

Các hoạt động nhóm trên đây được xem là khung cơ sở lý luận của bài báo, là tiêu chí để xây dựng bảng hỏi dành cho đối tượng được khảo sát của bài báo.

2.2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc học kỹ năng nói tiếng Anh

Richard [19] cho rằng, kỹ năng nói được xem là kỹ năng khó nhất để lĩnh hội và đạt được sự tiến bộ vì nó đòi hỏi người học tích hợp nhiều yếu tố khác như vốn từ vựng, sự lựa chọn ngôn từ phù hợp, sử dụng đúng cấu trúc ngữ pháp và hiểu biết về chủ đề thực hành. Vì vậy, các nhà nghiên cứu đã chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng cơ bản sau:

Động lực và thái độ *học tập*: Theo Ellis [12], động lực và thái độ học tập là yếu tố quan trọng dẫn tới thành công trong quá trình tiếp thu ngôn ngữ. Người học cần nhận thức bốn yếu tố: mục đích cần đạt được, sự nỗ lực để đạt được mục đích, ước muốn đạt được thành công và thái độ với hoạt động học tập. Thái độ và động lực của người học sẽ quyết định đến sự kiên trì của người học khi gặp khó khăn, thử thách trong học tập, yếu tố này ảnh hưởng đến mức độ thành thạo ngôn ngữ của người học. Nếu người học có động lực và thái độ đúng đắn thì nó sẽ dẫn dắt người học tới thành công, ngược lại một động cơ và thái độ tiêu cực sẽ là rào cản cho sự phát triển ngôn ngữ của người học.

Kiến thức ngôn ngữ: Thornbury [20] cho rằng quá trình luyện tập giao tiếp đòi hỏi người học phải có vốn từ vựng phong phú, kiến thức ngữ pháp tốt, phản xạ nhanh nhạy. Tất cả các yếu tố này ảnh hưởng đến quá trình luyện tập và tiến bộ của người học vì học ngoại ngữ không chỉ đơn thuần là học từ vựng và cấu trúc ngữ pháp mà cái đích là phải biết cách sử dụng ngôn ngữ phù hợp với văn cảnh và mục đích của hoạt động nói. Khi có bất kỳ sự thiếu hụt nào đều dẫn tới sự tự ti, không tham gia vào các hoạt động học tập.

Phương pháp giảng dạy: Bên cạnh động lực, thái độ, kiến thức về ngôn ngữ, phương pháp giảng dạy của giáo viên trong các giờ dạy-học kỹ năng nói cũng ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình phát triển kỹ năng cho sinh viên. Bygate [11] tin rằng việc áp dụng phương pháp giảng dạy phù hợp với đối tượng người học, thời điểm học tập với những hoạt động phù hợp là nghệ thuật của mỗi giáo viên. Những hoạt động giảng dạy, nhiệm vụ học

tập phải được thiết kế khéo léo để không những tạo cơ hội nhiều nhất cho người học nâng cao kỹ năng nói mà còn tạo động lực và hứng thú trong học tập cho sinh viên.

Những yếu tố ảnh hưởng đến việc học kỹ năng nói trên đây là tiêu chí để bài báo xây dựng nội dung phiếu khảo sát dành cho khách thể khảo sát.

III. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Bối cảnh nghiên cứu

Nghiên cứu này được tiến hành tại Khoa tiếng Anh, trường Đại học Mở Hà Nội (ĐHMHN). Khoa tiếng Anh, trường ĐHMN có qui mô đào tạo hệ chính qui là 1100 sinh viên/ năm, trong đó năm thứ nhất có 350 sinh viên. Theo khung chương trình giảng dạy dành cho sinh viên năm thứ nhất, thời lượng dành cho kỹ năng thực hành tiếng là 16 tín chỉ, trong đó kỹ năng nói có 4 tín chỉ tương đương 120 giờ thực hành và thời gian tự học là 8 tín chỉ, tương đương 240 giờ tự học. Kỹ năng nói được dạy song song xuyên suốt cả năm học với các 3 kỹ năng (nghe, đọc, viết) còn lại. Trung bình có 10 giờ học nói/ tuần. Giáo trình *English File – Intermediate* phiên bản 3 [16] đang được sử dụng để giảng dạy kỹ năng nói cho các học phần năm thứ nhất (Nói 1 và Nói 2). Giáo trình gồm 10 bài được thiết kế lồng ghép các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cũng như các đặc điểm ngôn ngữ như ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và văn phong.

3.2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu chính của bài báo là đưa ra những giải pháp nhằm cải thiện kỹ năng nói của sinh viên năm thứ nhất của Khoa tiếng Anh, trường ĐHMN thông qua các hoạt động nhóm.

3.3. Câu hỏi nghiên cứu

Trong bài viết này, chúng tôi nghiên cứu nhằm trả lời ba câu hỏi: (1) Quan điểm, thái độ của sinh viên năm về những hoạt động nhóm trong giờ dạy-học kỹ năng nói như thế nào? (2) Những yếu tố nào ảnh hưởng đến chất lượng làm việc nhóm? và (3) Giải pháp nào giúp cải thiện kỹ năng nói cho sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành tiếng Anh, trường ĐHMHN?

3.4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp định lượng được sử dụng để thu thập số liệu thông qua phiếu điều tra việc ứng dụng hoạt động nhóm nhằm nâng cao hiệu quả giờ học kỹ năng nói cho sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành tiếng Anh, trường ĐHMHN.

3.5. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng tham gia nghiên cứu là 116 sinh viên chính quy năm thứ nhất chuyên ngành tiếng Anh của trường ĐHMHN, trong đó có 15 nam sinh và 101 nữ sinh, đa số đến từ các vùng miền của miền Bắc. Vào thời điểm khảo sát sinh viên vừa kết thúc học kỳ 2, năm học 2020-2021, và được lựa chọn ngẫu nhiên trên cơ sở tình nguyện tham gia nghiên cứu. Những sinh viên này đã có ít nhất bảy năm học tiếng Anh nên đã có kiến thức nền tảng ngữ pháp vững, vốn từ vựng tương đương trình độ trung cấp (Intermediate – B1). Tuy nhiên, ở các bậc học phổ thông mục tiêu của quá trình học là nắm chắc ngữ pháp để làm tốt các bài kiểm tra mà không chú trọng đến phát triển các kỹ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ đang học. Vì vậy, nhiều sinh viên tham gia vào các hoạt động nhóm trong giờ dạy-học kỹ năng nói một cách thụ động mà không đóng góp ý kiến, cũng

không hỏi khi gặp khó khăn dẫn tới giờ học kém hiệu quả.

3.6. Công cụ nghiên cứu và qui trình thu thập, phân tích dữ liệu

Công cụ nghiên cứu là 01 phiếu khảo sát gồm 13 câu, bao gồm 1 hay nhiều sự lựa chọn được thiết kế trên công cụ khảo sát trong ứng dụng Google Forms, áp dụng theo khung cơ sở lý thuyết của Mc Bride, R. & Schotak, J. [17]. Bảng câu hỏi được thiết kế dựa quan điểm về hoạt động nhóm của Harmer [13] và các yếu tố ảnh hưởng đến việc học kỹ năng nói đã trình bày ở mục 2. Mục đích của phiếu khảo sát nhằm tìm hiểu thực trạng việc học kỹ năng nói của sinh viên thông qua hoạt động nhóm. Phiếu hỏi được chia thành 4 nhóm nội dung. Nhóm 1 về nhận thức của sinh viên về hoạt động làm việc nhóm (gồm các câu hỏi 1, 2, 3, 4); nhóm 2 thăm dò tần suất tham gia hoạt động nhóm trong giờ học kỹ năng nói (gồm các câu hỏi 5, 6, 7, 8); nhóm 3 gồm những câu hỏi liên quan đến những yếu tố tác động đến chất lượng hoạt động nhóm trong giờ học kỹ năng nói (câu hỏi 8, 9); nhóm 4 nhằm khảo sát mong muốn của sinh viên về hoạt động nhóm trong giờ học kỹ năng nói (câu hỏi 10, 11, 12, 13).

Qui trình thu thập phiếu khảo sát: Phiếu khảo sát được gửi online, qua đường liên kết được thiết lập trên ứng dụng Google Forms tới 350 sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành tiếng Anh, Trường Đại học Mở Hà Nội. Sau thời gian 20 ngày, chúng tôi đã thu được 116 phiếu trả lời. Số liệu được thống kê và tính toán tỉ lệ phần trăm dựa trên phần mềm excel và tiến hành phân tích theo 4 nhóm nội dung trên.

IV. Kết quả nghiên cứu

4.1. Nhận thức của sinh viên về hoạt động làm việc nhóm

Bảng 1. Quan điểm của sinh viên về kỹ năng nói khi học ngoại ngữ

Mức độ	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Rất quan trọng	111	95,7
Quan trọng	05	4,3
Không quan trọng	0	0
Tổng	116	100%

Bảng 1 cho thấy 100% sinh viên (SV) nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng nói khi học ngoại ngữ. Con số này thể hiện cái nhìn rất tích cực về việc cần áp dụng hoạt động nhóm để phát triển kỹ năng nói. Tầm quan trọng thì đã rõ nhưng sinh viên có tìm được cảm hứng khi tham gia vào những hoạt động này không? Khi được khảo sát về cảm nhận về giờ học kỹ năng nói [bảng 2], hơn 50% SV cảm thấy rất hứng thú đối với giờ học này. Gần 40% không tìm được hứng thú trong giờ học nói. 12% SV cảm thấy rất hứng thú và chỉ 1% SV thấy giờ học nhàm chán.

Bảng 2. Cảm nhận của sinh viên về giờ học kỹ năng nói

Mức độ	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Rất hứng thú	14	12,1
Hứng thú	56	48,3
Bình thường	45	38,8
Nhàm chán	1	0,9
Tổng	116	100%

Kết quả nghiên cứu ở bảng [2] cho thấy tuy đã có gần 50% sinh viên tham gia khảo sát tìm thấy cảm hứng khi luyện tập kỹ năng nói nhưng có đến trên 60% không tự tin khi nói tiếng Anh; chỉ chưa đến 30% sinh viên tự tin khi giao tiếp bằng tiếng Anh; xấp xỉ 10% sinh viên rất sợ phải nói

tiếng Anh [Bảng 3].

Bảng 3. Đánh giá độ tự tin của sinh viên khi nói tiếng Anh

Mức độ	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Rất tự tin	0	0
Tự tin	33	28,4
Không tự tin	73	62,9
Rất sợ phải nói tiếng Anh	10	8,6
Tổng	116	100%

Khi được hỏi về sự tự nguyện tham gia hoạt động nhóm trong giờ học nói [bảng 4], kết quả khảo sát cho thấy chỉ hơn 10% SV rất thích tham gia, gần 40% SV thích được tham gia vào các hoạt động nhóm; gần 50% SV không tìm được cảm hứng để tham gia vào hoạt động nhóm để luyện kỹ năng nói; hơn 3% không thích tham gia hoạt động nhóm.

Bảng 4. Đánh giá sự tự nguyện của sinh viên khi tham gia hoạt động nhóm

Mức độ	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Rất thích	13	11,2
Thích	43	37,1
Bình thường	56	48,3
Không thích	4	3,4
Rất không thích	0	0
Tổng	116	100%

Những kết quả trên cho thấy tất cả các sinh viên tham gia khảo sát đều ý thức được kỹ năng nói là một trong những kỹ năng quan trọng khi học một ngôn ngữ. Tuy nhiên phần lớn sinh viên tham gia khảo sát chưa phát triển kỹ năng tốt và thấy chưa tự tin khi giao tiếp. Đây là tình trạng đáng lo ngại vì kỹ năng nói rất quan trọng giúp sinh viên giao tiếp hàng ngày, nghe giảng và phản biện bằng tiếng Anh và có cơ hội tìm được những việc làm tại các tập đoàn lớn, các công ty đa quốc gia

đã và đang đầu tư vào Việt Nam mà kỹ năng nói lại là kỹ năng then chốt giúp các em học và làm việc hiệu quả.

4.2. Tần xuất tham gia hoạt động nhóm trong giờ học kỹ năng nói

Khi được hỏi về tần xuất tham gia hoạt động nhóm được tổ chức trong giờ học kỹ năng nói hơn 2/3 số SV được khảo sát cho biết họ thường xuyên được tham gia hoạt động nhóm, gần 1/5 số SV cho biết họ rất thường xuyên tham gia hoạt động nhóm và hơn 15% SV ít có cơ hội tham gia hoạt động nhóm trong giờ học kỹ năng nói và có sinh viên nào cho biết không được tham gia hoạt động này.

Bảng 5. Đánh giá mục tiêu của sinh viên khi tham gia vào hoạt động nhóm

Mức độ \ Mục tiêu	Ưu tiên 1	Ưu tiên 2	Ưu tiên 3	Ưu tiên 4
Điểm số	42 (36,5%)	18 (19,5%)	14 (12%)	12 (10,3%)
Kiến thức	29 (25%)	17 (14,7%)	7 (6%)	7 (6%)
Kỹ năng	16 (13,8%)	7 (6%)	4 (3,5%)	7 (6%)
Thực hiện đầy đủ yêu cầu	20 (17,2%)	11 (9,5%)	13 (11,2%)	16 (13,8%)

Kết quả thống kê ở những bảng trên cho thấy thực trạng việc áp dụng hoạt động nhóm trong các giờ dạy-học kỹ năng nói chưa đạt hiệu quả cao. Các thầy, cô đã chú trọng đến việc tổ chức hoạt động nhóm trong giờ dạy kỹ năng nói nhưng các hoạt động chưa đa dạng, chưa thu hút được sự đam mê học hỏi của sinh viên. Phần lớn sinh viên tham gia vào các hoạt động này chỉ vì điểm số và thực hiện theo yêu cầu của thầy, cô mà chưa có ý thức rèn kỹ năng.

4.3. Những yếu tố tác động đến chất lượng hoạt động nhóm trong giờ học kỹ năng nói

Khi đánh giá về yếu tố tác động đến chất lượng hoạt động nhóm trong giờ học kỹ năng nói, trên 80% SV cho

Khi được yêu cầu cho biết các hoạt động nhóm đã được tổ chức để phát triển kỹ năng nói, 70% sinh viên tham gia khảo sát cho biết các hoạt động nhóm chưa đa dạng mà chủ yếu tập trung vào hoạt động thảo luận theo nhóm; các hoạt động khác như đóng vai, chơi trò chơi và giải quyết tình huống chỉ chiếm 16% - 20% mỗi loại.

Khi được hỏi về mục tiêu tham gia hoạt động nhóm [bảng 5], chỉ hơn 1/3 số sinh viên tham gia khảo sát cho biết là vì điểm số, ¼ rèn luyện để tích lũy kiến thức và số sinh viên tham gia để cải thiện kỹ năng và theo yêu cầu của giáo viên, tuần tự là 20% và 15%.

biết họ không đủ năng lực ngôn ngữ để thể hiện ý tưởng của mình bằng ngôn ngữ đích. 10% SV cho rằng các thành viên trong nhóm không thể giao tiếp bằng ngôn ngữ đích. Số còn lại (xấp xỉ 10%) tham gia hoạt động nhóm một cách thụ động. Như vậy, ta thấy SV dù muốn tham gia vào các hoạt động nhóm để cải thiện kỹ năng nói nhưng vướng phải rào cản là năng lực ngôn ngữ. SV không đủ vốn từ hoặc không biết cách để bày tỏ quan điểm của mình.

Khi được giao chủ đề thảo luận nhóm, 50% số sinh viên được khảo sát chỉ tán gẫu về chủ đề này chứ không thảo luận nghiêm túc để tìm kiếm thông tin. Hơn 2/3 sinh viên cho biết họ chỉ tán gẫu bằng ngôn ngữ nguồn (Tiếng Việt); gần 10% có

xu hướng chỉ nghe các thành viên khác chia sẻ và không tham gia thảo luận.

Kết quả khảo sát cho thấy hoạt động nhóm chưa thực sự hiệu quả vì sinh viên không chú trọng thực hành ngôn ngữ đích (tiếng Anh) và thiếu cân bằng về mức độ tham gia của các thành viên. Chỉ gần 20% sinh viên tham gia tích cực, số còn lại chưa có thái độ đúng đắn, thiếu tập trung, thiếu sự hợp tác khi tham gia hoạt động nhóm để tăng cường kỹ năng nói.

4.4. Mong muốn của sinh viên về hoạt động nhóm trong giờ học kỹ năng nói

Với thực trạng về việc được tham gia vào các hoạt động rèn luyện kỹ năng

nói do giáo viên tổ chức, khi được đề nghị trình bày mong muốn về cách thức tổ chức hoạt động nhóm trong giờ học kỹ năng nói tiếng Anh, kết quả khảo sát cho thấy phần lớn sinh viên thích tham gia vào các hoạt động đa dạng trong giờ học kỹ năng nói, như nói đơn, nói cặp, luyện nói với giáo viên, chơi trò chơi, chiếm trên 45%. Trong khi đó khoảng 40% sinh viên được khảo sát không mấy hứng thú khi tham gia vào các hoạt động này; 15% sinh viên rất thích thú với các hoạt động này và khoảng 1% sinh viên hoàn toàn không thích các hoạt động nhóm để phát triển kỹ năng nói.

Bảng 6. Đánh giá mong muốn của sinh viên về cách thức tổ chức hoạt động nhóm

Hoạt động	Mức độ	Rất thích	Thích	Cũng được	Không thích	Hoàn toàn không thích
Nói đơn		15 (12,9%)	55 (47,5%)	41 (35,3%)	5 (4,3%)	0
Nói cặp		14 (12%)	55 (47,4%)	46 (39,7%)	2 (1,8%)	1 (0,9%)
Nói nhóm nhỏ		12 (10,3%)	42 (36,2%)	53 (45,7%)	8 (6,9%)	1 (0,9%)
Chơi trò chơi		31 (26,3%)	46 (39,3%)	32 (27,4%)	6 (5,2%)	2 (1,8%)
Luyện nói với giáo viên		20 (17,2%)	50 (43%)	43 (36,4%)	3 (2,5%)	1 (0,9%)

Khi được phỏng vấn, 65% sinh viên cho biết các hoạt động cặp nhóm giúp các em gắn kết với nhau, có thể bổ sung những khiếm khuyết về kiến thức, kỹ năng cho nhau để giúp nhau rèn luyện và phát triển năng lực ngôn ngữ, đặc biệt là kỹ năng nói. Một số em (khoảng 15%) mong muốn được luyện nói với thầy cô để thầy cô chỉnh sửa ý tưởng, bổ sung vốn từ vựng, sửa lỗi ngữ pháp để có bài nói hoàn hảo hơn. Khi được khảo sát về quy mô nhóm sinh viên mong

muốn được tham gia trong giờ học kỹ năng nói, gần 60% sinh viên mong muốn tham vào nhóm nhỏ từ 3 đến 5 thành viên; hơn 1/3 sinh viên mong muốn tham gia hoạt động nhóm đôi (cặp); chỉ khoảng 10% sinh viên thích hoạt động nhóm lớn từ 5 thành viên trở lên. Kết quả này cho thấy phần lớn sinh viên mong muốn được tham gia vào các hoạt động cặp hoặc nhóm nhỏ từ 2 đến 5 thành viên.

Bảng 7. Quy mô nhóm sinh viên được mong đợi khi tham gia vào hoạt động nhóm

Quy mô nhóm	Số lượng	Tỉ lệ (%)
2 thành viên	36	31
3- 5 thành viên	68	58,6
5 – 8 thành viên	9	7,8
Trên 8 thành viên	3	2,6
Tổng	116	100%

Khi được yêu cầu trình bày quan điểm về những lợi ích của hoạt động nhóm trong giờ học kỹ năng nói, hơn 2/3 sinh viên cho biết họ được nói tiếng Anh thường xuyên hơn, có cơ hội trình bày và trao đổi quan điểm, được học hỏi từ các thành viên khác trong nhóm và từ các nhóm khác với tần số liệu thống kê là 75,9%, 66,4% và 65,5%. Hơn ½ sinh viên tự tin nói tiếng Anh hơn, trong khi đó ¼

sinh viên cho biết hoạt động nhóm không giúp họ tự tin nói tiếng Anh hơn. Trung bình chỉ 20% sinh viên cho rằng các hoạt động nhóm mang lại rất nhiều cơ hội để được lắng nghe trong môi trường tiếng. Dưới 10% cho rằng các hoạt động này không hiệu quả. Điều đó cho thấy phần lớn sinh viên đều thấy được lợi ích của hoạt động nhóm trong giờ học kỹ năng nói để cải thiện kỹ năng này. [Bảng 8]

Bảng 8. Đánh giá về lợi ích của hoạt động nhóm trong giờ học nói tiếng Anh

Tỉ lệ (%)	Mức độ			
	Rất nhiều	Khá nhiều	Rất ít	Không chút nào
Được nói tiếng Anh thường xuyên hơn	23 (19,8%)	88 (75,9%)	5 (4,3%)	0
Tự tin nói tiếng Anh	20 (17,2%)	66 (56%)	29 (25%)	2 (1,8%)
Có nhiều cơ hội để trình bày và trao đổi quan điểm	24 (20,7%)	77 (66,4%)	14 (12%)	1 (0,9%)
Được học hỏi từ các thành viên khác trong nhóm và từ các nhóm khác	34 (29,3%)	76 (65,5%)	5 (4,3%)	1 (0,9%)

Khi được hỏi về mong muốn về việc tổ chức các hoạt động lên lớp của thầy/cô, gần 90% SV mong muốn giờ học nói cần có không khí thoải mái; gần 2/3 sinh viên mong muốn nhận được góp ý mang tính xây dựng và khuyến khích từ giáo viên.

Khoảng 50% sinh viên thấy cần có hướng dẫn rõ ràng bằng ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích, cung cấp trước cấu trúc từ vựng và cấu trúc bài nói và để sinh viên tự do sáng tạo và trình bày luận điểm mà không bị ngắt lời để sửa lỗi hay chỉnh sửa ý tưởng.

Bảng 9. Thái độ và hoạt động của thầy/cô trong giờ dạy kỹ năng nói

Quan điểm	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Hướng dẫn rõ ràng bằng ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích	68	58,8
Cung cấp trước cấu trúc từ vựng và cấu trúc bài nói	63	54,3
Để sinh viên tự do sáng tạo và trình bày luận điểm	57	49,1
Không ngắt lời khi sinh viên đang trình bày	27	23,3
Góp ý mang tính xây dựng, khuyến khích	74	63,8
Tạo bầu không khí thoải mái trong giờ học kỹ năng nói	101	87,1

Từ phân tích kết quả khảo sát này, ta thấy giáo viên rất quan trọng trong việc dẫn dắt, hướng dẫn và khích lệ sinh viên khi họ tham gia hoạt động nhóm để phát triển kỹ năng nói. Ngoài những câu hỏi khảo sát trên, khi được phỏng vấn về những mong muốn thầy/cô làm gì để cải thiện hoạt động

nhóm trong giờ học kỹ năng nói, hầu hết sinh viên đều mong muốn có giờ học thoải mái, vui vẻ, không áp lực; thầy/cô tổ chức nhiều hoạt động để SV được phát triển kỹ năng nói; thầy/cô giao lưu, trao đổi nhiều hơn với các nhóm để cung cấp từ vựng, gợi ý đường hướng khi SV cần.

V. Kết luận và khuyến nghị

5.1. Khuyến nghị

5.1.1. Đối với giáo viên

Để nâng cao hiệu quả các hoạt động nhóm trong giờ dạy kỹ năng nói giúp sinh viên cải thiện được kỹ năng nói, giáo viên nên thực hiện các bước sau:

Thứ nhất, giáo viên cần nâng cao nhận thức của sinh viên về hoạt động nhóm, lợi ích và tầm quan trọng của việc tích cực tham gia làm việc nhóm để sinh viên nhận thức rõ lợi ích của hoạt động nhóm, tránh thói quen ỉ lại, né tránh và dựa dẫm. Giáo viên cần giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò của ngoại ngữ, đặc biệt là kỹ năng nói đối với công việc trong tương lai nhằm kích hoạt động cơ bên trong của mỗi sinh viên; động cơ này xuất phát từ nhu cầu hiểu biết, niềm tin của sinh viên đến đối tượng đích của hoạt động học, là khao khát chiếm lĩnh, trau dồi tri thức, say mê và sẵn sàng tham gia vào các hoạt động mà giáo viên tổ chức một cách hiệu quả. Loại động cơ này giúp sinh viên luôn nuôi ý chí nỗ lực, khắc phục trở ngại bên ngoài, thúc đẩy nội lực, luôn hăng hái học hỏi để đạt được mục tiêu trong học tập. Đây là điều vô cùng quan trọng mà mỗi giáo viên phải đạt được vì nó quyết định thái độ học tập của sinh viên. *Thứ hai*, tạo bầu không khí làm việc nhóm tích cực để sinh viên cảm thấy thoải mái thảo luận, chia sẻ quan điểm theo cặp, theo nhóm; tạo hứng thú cho sinh viên giúp sinh viên có lòng say mê học tập. Giáo viên cần đa dạng hoá các hoạt động nhóm để lôi cuốn tính sáng tạo, linh hoạt của sinh viên; biết cách lồng ghép các trò chơi, bài hát để sinh viên vừa học, vừa chơi làm cho sinh viên cảm thấy hứng khởi và giảm áp lực học. *Thứ*

ba, giáo viên cần đặt sinh viên vào vị trí trung tâm của quá trình học, tôn trọng nhu cầu, phong cách của từng sinh viên để linh hoạt khi chia cặp, nhóm. Phân chia nhóm phù hợp sẽ tạo môi trường tốt để sinh viên thấy thoải mái, tự tin và có thể trợ giúp lẫn nhau. Có như vậy sinh viên mới nhiệt tình tham gia vào những nhiệm vụ được giao, phát huy tính chủ động của bản thân và tích cực tham gia thực hành kỹ năng nói. *Thứ tư*, giáo viên cần linh hoạt khi tổ chức hoạt động nhóm để phù hợp với từng nhiệm vụ, với năng lực từng nhóm lớp. Để tránh việc mất khả năng kiểm soát lớp do quá ồn ào, khi giao nhiệm vụ giáo viên cần hướng dẫn rõ mục tiêu, đảm bảo yếu tố thời gian bắt đầu, thời điểm kết thúc và sự tham gia của tất cả các thành viên. Trong quá trình sinh viên làm việc nhóm, giáo viên cần là di chuyển xung quanh để quan sát và khuyến khích sự tương tác, nhắc nhở các thành viên chia sẻ ý tưởng, cung cấp thêm tư liệu và từ vựng khi sinh viên cần. Khi quan sát và trợ giúp các nhóm, giáo viên có cơ hội chỉnh sửa những lỗi cơ bản ngay khi sinh viên đang chuẩn bị để sinh viên hoàn thiện nhiệm vụ tốt trước khi trình bày. Tuy nhiên, giáo viên không nên sửa tất cả các lỗi mà chỉ nên chỉnh sửa những lỗi cơ bản để phù hợp với phân bổ thời gian cho hoạt động và tránh tâm lý tiêu cực, tự ti của sinh viên dẫn tới việc không dám nói vì sợ nói sai bị bắt lỗi.

5.1.2. Đối với sinh viên

Thứ nhất, sinh viên cần nhận thức được tầm quan trọng của việc tham gia hoạt động nhóm; nhận thức được vị trí, vai trò, nhiệm vụ của mình trong nhóm. Phải luôn nâng cao tinh thần tự giác, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ và huy động tối đa năng lực để đạt được mục tiêu đó.

Luôn năng động, sáng tạo, biết khám phá bản thân để khơi dậy niềm say mê trong học tập, chủ động nghiên cứu, học hỏi, trao đổi với thầy, cô và bạn bè; không e dè, nhút nhát, không biết nhưng không nói, không trao đổi. Có thái độ học tập tốt, sinh viên mới có động cơ học tập toàn diện và xem nhiệm vụ học là nhu cầu muốn hoàn thiện bản thân, lĩnh hội, tích lũy kiến thức, phát triển kỹ năng chứ không phải là nhiệm vụ bắt buộc. *Thứ hai*, sinh viên nên tích cực tham gia vào các hoạt động học tập tại lớp; tận dụng tối đa thời gian trên lớp để thực hành giao tiếp tạo thói quen tư duy bằng tiếng Anh, năng lực trình bày ý kiến, thuyết trình bằng tiếng Anh. Hãy nói, không sợ sai; luôn suy nghĩ tích cực và luôn là những thành viên tích cực của nhóm.

5.2. Kết luận

Trong việc học ngoại ngữ, điều quan trọng nhất là khả năng ứng dụng ngôn ngữ đó mà kỹ năng nói là một trong những kỹ năng cơ bản. Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động nhóm để phát triển kỹ năng nói cho sinh viên chuyên ngành tiếng Anh tại Trường Đại học Mở Hà Nội đã được thực hiện khá phổ biến nhưng hiệu quả chưa cao do những yếu tố ảnh hưởng về thái độ và mức độ tham gia của sinh viên. Kết quả từ nghiên cứu giúp giáo viên và sinh viên có góc nhìn đa chiều về hoạt động này và là căn cứ giúp giáo viên hiểu được những khó khăn của sinh viên. Nghiên cứu còn giúp giáo viên hiểu được mong muốn của sinh viên để áp dụng các chiến lược linh hoạt và hiệu quả hơn và tạo được động lực học tập cho sinh viên. Giáo viên luôn cần chú trọng tiếp tục đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng

tạo, vận dụng kiến thức và kỹ năng của sinh viên. Nghiên cứu còn những hạn chế nhất định như phạm vi nghiên cứu nhỏ, số lượng người tham gia chưa nhiều vì chúng tôi chỉ lựa chọn các sinh viên tình nguyện tham gia đóng góp ý kiến nhằm phục vụ nghiên cứu, điều này ảnh hưởng tới sự phong phú của dữ liệu thu được. Chúng tôi hi vọng sẽ có cơ hội mở rộng cứ liệu ở những nghiên cứu sau.

Tài liệu tham khảo:

Tiếng Việt

[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2005), Đề án đổi mới giáo dục Đại học Việt nam giai đoạn 2006 – 2020.

[2]. Phạm Minh Hạc (1988) *Tâm lý học*. Nxb Giáo dục Hà Nội.

[3]. Thủ tướng Chính phủ (2008). Quyết định số 1400/QĐ-TTG ngày 30/09/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020”.

[4]. Trần Hiệp (1996), *Tâm lý học xã hội – Những vấn đề lý luận*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

[5]. Leontiev A.A. (2003) *Hoạt động và giao tiếp*, bản dịch của Viện KHGD.

[6]. Maginn, D. (2008) *Thúc đẩy nhóm làm việc hiệu quả*. NXB Tổng Hợp Tp. Hồ Chí Minh.

Tiếng Anh

[7]. Bailey, K.M. (2005) *Practical English Language Teaching: Speaking*. McGraw-Hill Companies, Inc.

[8]. Byrne D. (1978) *Teaching Oral English*. London: Longman.

[9]. Brown, A. (1992) *Group Work*. London: Heinemann.

[10]. Brown, H.D. (2001) *Teaching by*

Principles- An Interactive Approach to Language Pedagogy (2nd ed.), New York: Addition Wesley Longman, Inc.

[11]. Bygate, M. (1987) *Speaking*. Oxford University Press.

[12]. Ellis, R. (1986) *Understanding Second Language Acquisition*. Oxford: OUP.

[13]. Harmer, J. (1999). *The practice of English language teaching*. Pearson Education.

[14]. Kaya, H (2006) *Teaching Speaking: Activities to Promote Speaking in a Second Language*. Internet TESL journal. Vol. XII, No. 11, Nov 2006. Retrieved from <http://iteslj.org/Articles/Kayi-TeachingSpeaking.html>

[15]. Khamkhien, A. (2010) *Teaching English Speaking and English Speaking Tests in the Thai Context: A Reflection from Thai perspectives*. English Language Journal, Vol.3, pp. 184-200

[16]. Latham-Koeing, C. (2013) *English File*, 3rd edition. Oxford University Press.

[17]. Martine, L. (2003) *Small Group Interaction among Native English Speaking and Non-native English Speaking Learners in a Teacher Training Context*. Asian Journal of English Language Teaching, vol. 1, no. 13, pp. 61-73.

[18]. Mc Bride, R. & Schotak, J. (1989) *Action Research*. Retrieved February 20, 2006 from the <http://english.sdedu.net/stud.26html>

[19]. Richards, J.C. (2006) *Communicative Language Teaching Today*. Cambridge University Press

[20]. Thornbury, S. (2005) *How to Teach Speaking*. Harmer, J. (Ed.). London: Longman

[21]. Underhill, N. (1987) *Testing Spoken Language: A Handbook of Oral Testing Techniques*. Cambridge University Press.

Địa chỉ tác giả: Khoa Tiếng Anh – Trường Đại học Mở Hà Nội

Email: TuyetLTA@hou.edu.vn

